

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HSST.

Ngày 02 - 02 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truệ.

2. Bà Trần Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2021/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/ QĐXXST- HS ngày 19/01/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Trần V, sinh năm 1991 tại M, Long An; Nơi cư trú: Ấp 3, xã B, huyện M tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D và bà Trần Thị M; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án: Ngày 27/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bản án số: 24/2019/HS-ST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/6/2020. Chưa hết thời hạn được xóa án tích; Ngoài ra, ngày 22/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Trần V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Vụ án đang được điều tra; Tiền sự: Ngày 16/9/2019 bị Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 03 tháng (Quyết định số: 02/QĐ-UBND). Ngày 10/10/2019, Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Hóa xử lý theo quy định. Chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Ngày 25/9/2019 bị Công an huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số: 46/QĐ-XPHC), chấp hành xong ngày 31/10/2019. Chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Ngày 11/9/2020, bị Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số: 368/QĐ-UBND). Ngày 10/11/2020, Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa quyết định

tạm đình chỉ thi hành quyết định, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Hóa xử lý theo quy định. Chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Nhân thân: Ngày 20/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng (Quyết định số: 01/2017/QĐ-TA), chấp hành xong ngày 02/11/2017; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2020 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Đỗ Thị Tuyết T, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Ông Ngô Hồng S, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng 03/CT-VKSKT ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An để xét xử bị cáo Lê Trần V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Trần V diễn biến như sau:

Lê Trần V, sinh năm: 1991, hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã B, huyện M, tỉnh Long An và Ngô Hồng S, sinh năm: 1992, hộ khẩu thường trú: khu phố 3, Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An là bạn bè quen biết với nhau. Khoảng 21 giờ ngày 12/10/2020, V đến nhà S chơi và ngủ lại qua đêm. Đến khoảng 14 giờ ngày 13/10/2020, khi V ra về thì phát hiện xe mô tô biển số 62T1-034.34 hiệu Yamaha Nouvo của bà Đỗ Thị Tuyết T, sinh năm: 1960, hộ khẩu thường trú: khu phố 3, Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An (mẹ ruột của S) đậu trong nhà không có người trông coi, chìa khóa để sẵn trên xe nên V nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của bà T. V mở cửa dẫn xe ra khỏi nhà và chạy về hướng Quốc lộ 62 đi huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Sau đó, V đi đến khu vực cửa khẩu Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Tại đây, V nhờ một người thanh niên không rõ họ tên và địa chỉ giới thiệu bán xe lấy trộm trên cho một người đàn ông Campuchia (không rõ họ tên và địa chỉ) với giá 3.000.000 đồng. Số tiền bán xe, V tiêu xài cá nhân hết. Đến 19 giờ ngày 09/11/2020, V ra tự thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tạm giữ đồ vật: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe của bà Đỗ Thị Tuyết T.

Tang vật không thu giữ được: 01 xe mô tô biển số 62T1-034.34 hiệu Yamaha Nouvo do V đã bán không thu hồi được.

Đối với xe mô tô biển số 62T1-034.34 hiệu Yamaha Nouvo của bà T trong giấy đăng ký xe có màu xanh-vàng nhưng trong quá trình sử dụng gia đình bà T đã tự thay đổi màu sơn S mà tím nên khi xe bị lấy trộm có màu khác với màu xe trên giấy đăng ký xe.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 29/KL-HĐ-ĐGTS ngày 20/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Kiến Tường kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, biển số 62T1-034.34, xe đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 10.448.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Trần V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa qua phần thẩm tra các chứng cứ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm kết luận về vụ án và đề nghị xử lý vụ án như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Trần V đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; **điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50, của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Trần V từ 15 đến 18 tháng tù.** Thời gian thi hành án phạt tù được tính từ ngày 09/11/2020.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Đỗ Thị Tuyết T xong nên không xem xét.

Về phạt phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, nhưng xét thấy bị cáo không nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên miễn phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đỗ Thị Tuyết T yêu cầu bị cáo V bồi thường giá trị xe mô tô là 10.448.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Trần V chịu tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với người thanh niên V nhờ bán xe và người mua xe của V trộm cắp được nhưng không biết rõ họ tên và địa chỉ nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm liên quan.

Về lời trình bày của bị hại; Người làm chứng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được tiến hành theo trình tự thủ tục, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Trần V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo để xét xử về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo V tại phiên tòa hôm nay, được đối chiếu với kết luận định giá, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, đơn có mất của người bị hại, lời khai của người bị hại và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Bị cáo Lê Trần V bị Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 vào ngày 27/11/2019, bị cáo có thời gian chấp hành án trong trại giam. Với thời gian chấp hành án lẽ ra sau khi mãn hạn tù, bị cáo phải

biết tự rèn luyện mình hoàn lương trở lại sống lương thiện hòa nhập với cộng đồng. Đảng này, bị cáo V biết rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ khi có hành vi trái pháp luật xâm phạm, nhưng bị cáo lợi dụng sự mất cảnh giác của bị hại đã rắp tâm thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trót lọt chiếc xe mô tô biển số 62T1-034.34 hiệu Yamaha Nouvo của bà Đỗ Thị Tuyết T đem đến khu vực cửa khẩu Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An bán cho một người Campuchia (không rõ họ tên và địa chỉ) với giá 3.000.000 đồng nhằm thỏa mãn mục đích cá nhân.

[4] Giá trị tài sản mà bị cáo V chiếm đoạt là 10.448.000 đồng.

[5] Bị cáo Lê Trần V có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” **quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.**

[6] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi phạm tội của bị cáo Lê Trần V đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo V ra Tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Trần V là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây xôn xao dư luận trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Trần V bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để có hình phạt tương xứng mới giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[8] Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo Lê Trần V đã gây ra. Bị cáo V có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Người phạm tội tự thú; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. **Ngoài ra người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đây là tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.** Tuy nhiên, với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Lê Trần V cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt sau này; Đồng thời trấn áp tình hình tội phạm trộm cắp đang tăng trên địa bàn thị xã và phục vụ tình hình an ninh trật tự trị an tại địa phương, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Đỗ Thị Tuyết T xong nên không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bà Đỗ Thị Tuyết T yêu cầu bị cáo V bồi thường giá trị xe mô tô là 10.448.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[11] Về phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội của bị cáo V còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, nhưng xét thấy bị cáo không nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[12] Về án phí: Buộc bị cáo V phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

[13] Đối với người thanh niên V nhờ bán xe và người mua xe của V trộm cắp được nhưng không biết rõ họ tên và địa chỉ nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm liên quan.

[14] Từ những nhận xét nêu trên xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Trần V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Trần V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian thi hành án phạt tù được tính từ ngày 09/11/2020.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Trần V 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 02/02/2021) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lê Trần V phải bồi thường thiệt hại cho bà Đỗ Thị Tuyết T số tiền là 10.448.000 đồng (mười triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Lê Trần V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 522.400 đồng (năm trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị hại Đỗ Thị Tuyết T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp;
- Thi hành án phạt tù.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

